

MẪU SỐ 02
CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VIỆC GIẢI QUYẾT TTHC THEO CƠ CHẾ
MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG ĐỐI VỚI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
VÀ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU

KỶ ĐÁNH GIÁ: Năm 2020

Tên cơ quan, đơn vị: Ban Dân tộc

Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong kỳ: 24 hồ sơ

Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ: 24 hồ sơ

STT	Các chỉ số đánh giá việc giải quyết TTHC	Điểm chuẩn	Kết quả chấm điểm	Ghi chú
1	Chỉ số 5: Thực hiện tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa			
a)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả đối với tối thiểu 20% số lượng TTHC theo danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành	2	2	
b)	Khi 100% TTHC không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	1		
c)	Khi dưới 100% TTHC không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	0		
2	Chỉ số 6: Công khai các TTHC			
a)	Khi TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng cả hình thức niêm yết và điện tử theo đúng quy định pháp luật về công khai TTHC	2	2	
b)	Khi TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng hình thức niêm yết hoặc điện tử theo đúng quy định pháp luật về công khai TTHC	1		
c)	Khi TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa không được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời	0		

3	Chỉ số 8: Tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân			
a)	Khi không có phản ánh, kiến nghị hoặc 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời hạn theo quy định và không có phản ánh, kiến nghị kéo dài	2	2	
b)	Khi tối thiểu từ 90% phản ánh, kiến nghị trở lên được xử lý đúng thời hạn theo quy định và không có phản ánh, kiến nghị kéo dài	1		
c)	Khi dưới 90% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời hạn theo quy định hoặc có phản ánh, kiến nghị kéo dài	0		
4	Chỉ số 9: Tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền			
a)	Khi tối thiểu 20% TTHC đáp ứng yêu cầu được đưa vào triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%; và không có hồ sơ trực tuyến nào không giải quyết hoặc giải quyết quá hạn	2		
b)	Khi có triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 15% đến dưới 30%; và không có hồ sơ trực tuyến không được giải quyết hoặc giải quyết quá hạn.	1	1	Từ ngày 14/10/2020, đơn vị đã triển khai thực hiện dịch vụ công mức độ 4 đối với 02 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực dân tộc, tuy nhiên đến nay chưa có phát sinh hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.
c)	Khi không triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 hoặc tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt dưới 15%; hoặc có hồ sơ trực tuyến không được giải quyết hoặc giải quyết quá hạn.	0		
	Tổng cộng:		7	

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 12 năm 2020
Cơ quan, đơn vị tổ chức đánh giá
(Ký, đóng dấu, chức vụ/chức danh)

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI GIẢI QUYẾT TTHC CỦA CÁC PHÒNG, BAN THỰC HIỆN TIẾP NHẬN,
TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
NĂM 2020**

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA BAN DÂN TỘC NĂM 2020																
STT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong kỳ	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ	MẪU PHIẾU SỐ 1						MẪU PHIẾU SỐ 2					Tổng cộng	Phân loại kết quả
				Chấm điểm đánh giá đối với cán bộ, công chức, viên chức						Chấm điểm đánh giá đối với cơ quan, đơn vị và trách nhiệm người đứng đầu						
				Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 4	Chỉ số 7	Tổng cộng	Chỉ số 5	Chỉ số 6	Chỉ số 8	Chỉ số 9	Tổng cộng		
[0]	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1	Ban Dân tộc	24	24	1	1	2	2	1	7	2	2	2	1	7	14	

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Cơ quan, đơn vị tổng hợp kết quả đánh giá
(Ký, đóng dấu, chức vụ/chức danh)